

BÀI 34

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức đã học trong phần Tiếng Việt lớp 6 ;

– Biết nhận diện các đơn vị và hiện tượng ngôn ngữ đã học : danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ ; câu đơn, câu ghép,... so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ ;

– Biết phân tích các đơn vị và hiện tượng ngôn ngữ đó.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong SGK Ngữ văn 6, HS đã được học những kiến thức cơ bản đầu tiên về từ ngữ, câu và phép tu từ.

2. Về từ ngữ, HS được học cách phân loại từ theo các căn cứ khác nhau :

a) Căn cứ vào cấu tạo, từ được phân loại thành từ đơn (có một tiếng) và từ phức (có từ hai tiếng trở lên). Theo mối quan hệ giữa các tiếng trong một từ, từ phức được chia thành : từ ghép (giữa các bộ phận có quan hệ ngữ nghĩa) và từ láy (giữa các bộ phận có quan hệ ngữ âm).

b) Căn cứ vào nguồn gốc, từ được phân loại thành từ thuần Việt và từ mượn (có nguồn gốc từ nước ngoài). Trong số từ mượn, từ Hán Việt giữ một vị trí quan trọng. Từ Hán Việt là một lớp từ khó, khi sử dụng cần chú ý cả về mặt nghĩa lẫn âm thanh của chúng. Giữa các từ Hán Việt và thuần Việt có nghĩa tương đương có sự khác biệt về sắc thái biểu cảm, do đó có sự khác nhau về phạm vi sử dụng.

c) Căn cứ vào số lượng nghĩa, từ được phân loại thành từ một nghĩa và từ nhiều nghĩa. Trong các nghĩa của từ, có nghĩa gốc (nghĩa vốn có ban đầu, thường không có tính lí do) và nghĩa chuyển (nghĩa xuất hiện trên cơ sở nghĩa đã có, theo một cơ chế chuyển nghĩa nào đó – xem phần II – Những điều cần lưu ý về ẩn dụ từ vựng ở Bài 23 (tr. 81 – 82), hoán dụ từ vựng ở Bài 24 (tr. 94 – 95).

d) Căn cứ vào ý nghĩa khái quát và đặc điểm ngữ pháp, từ được phân chia thành các *từ loại* khác nhau. HS lớp 6 được học ba từ loại chính là : *danh từ, động từ* và *tính từ*. Các từ này ít khi sử dụng một mình, chúng thường kết hợp với những từ khác tạo thành *cụm từ*. Dựa vào từ loại của từ trung tâm, ta phân biệt *cụm danh từ, cụm động từ* và *cụm tính từ*. Các từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ trong *cụm từ* là : *số từ, lượng từ, chỉ từ* và *phó từ*.

3. Về *câu*, HS được học hai kiểu câu cơ bản của loại *câu trần thuật đơn* là : *câu trần thuật đơn có từ "là"* và *câu trần thuật đơn không có từ "là"*. Các kiểu câu này phân biệt nhau ở ý nghĩa khái quát của chúng. Về mặt hình thức, chúng phân biệt nhau ở cấu tạo vị ngữ : câu có vị ngữ chứa từ *là* và câu có vị ngữ – động từ, tính từ. Vị ngữ chứa từ *là* được phủ định bằng *cụm từ không phải*, còn vị ngữ – động từ, tính từ được phủ định bằng từ *không*.

4. Về các *phép tu từ*, HS được học bốn phép tu từ là : *so sánh, ẩn dụ, nhân hoá* và *hoán dụ*. Các phép tu từ đều có giá trị biểu cảm cao, có tác dụng làm cho câu văn, câu thơ có tính hàm súc, tính hình ảnh. So sánh, ẩn dụ và nhân hoá có cơ chế giống nhau – đều dựa trên sự tương đồng (giống nhau) giữa các sự vật, hiện tượng ; trong khi đó hoán dụ dựa vào các quan hệ tương cận : toàn thể – bộ phận ; vật chứa đựng – vật bị chứa đựng ; sự vật – đặc trưng của sự vật.

5. Xem thêm sơ đồ tổng kết phần Tiếng Việt (tr. 167 – 168, SGK).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. GV cho HS ôn tập trước ở nhà, đến lớp trình bày những điều đã học bằng các sơ đồ ở cuối sách (tr. 167 – 168, SGK).

Hoạt động 2. Một nửa thời gian nên dành cho việc luyện tập. HS tự đặt các câu, các từ theo các yêu cầu của thực tế sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ : tập cấu tạo các từ ghép (láy) trên cơ sở một tiếng cho trước ; tập sử dụng các nghĩa khác nhau của một từ ; tạo các *cụm từ* từ một từ cho trước ; chữa câu sai, v.v...

Để thực hiện Hoạt động 2, GV có thể sử dụng các bài tập trong Bài 33, sách *Bài tập Ngữ văn 6*, tập hai (tr. 74 – 81).